TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST-HNGĐ	*Sa Thầy, ngày 16 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13-6-2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn T, sinh năm 1988; địa chỉ: XV Nguyễn Xí, Phường p, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Phạm T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện T, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08-8-2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08-8-2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm T1 và chị Nguyễn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm T1 và chị Nguyễn T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Phạm T1 và chị Nguyễn T có 01 con chung tên: Nguyễn T2, sinh ngày ……..

Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận:

+ Giao con chung – cháu Nguyễn T2 cho chị Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và tự lập được.

+ Anh Phạm T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều: 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn T và anh Phạm T1 không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Chị Nguyễn T và anh Phạm T1, mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn T tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho anh Phạm T1. Như vậy, tổng số tiền án phí chị Nguyễn T phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Nguyễn T đã nộp tạm ứng án phí (do chị Nguyễn Thị Thu Huệ nộp thay) theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0004193, ngày 13-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả cho chị Nguyễn T số tiền đã nộp tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND phường 13, Q. Bình Thạnh, tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Trường Thọ